

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày: 12-12-2020
V/v tranh chấp: “Yêu cầu tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019);

Địa chỉ: Ấp Đ2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Văn phòng Công chứng C;

Địa chỉ: Đường A, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bạch Văn H, sinh năm 1964 – Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Minh S, sinh năm 1981 (vắng mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019);

Địa chỉ: Ấp T2, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị C1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Hồ Thị C2, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị C1 và bà Hồ Thị C2: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019);

Địa chỉ: Ấp Đ2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Hồ Thị B1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Hồ Văn C3, sinh năm 1967 (vắng mặt);

5. Bà Hồ Thị C4, sinh năm 1971 (vắng mặt);

6. Ông Hồ Văn B2, sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn B2: Anh Hồ Thuận A, sinh năm 1988 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn B2: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Tấn N2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tấn N2: Anh Đặng Minh S, sinh năm 1981 (vắng mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019);

Địa chỉ: Ấp T2, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh Đặng Minh S, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T2, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Hồ Thuận A, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị V – chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Cha mẹ của bà Hồ Thị V là cụ Hồ Văn N3 (chết năm 2005) và cụ Văn Thị N4 (chết năm 2002). Cụ N3 và cụ N4 có tất cả là 07 người con chung gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị B1, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị C2. Khi còn sống, cụ N3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.803m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614 QSD/1320/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/7/1997 cho cụ Hồ Văn N3. Ngoài ra, cụ N3 và cụ N4 còn có một căn nhà thờ để làm nhà thờ cúng ông bà. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 chưa phân chia quyền sử dụng đất cho các con. Cụ N3 và cụ N4 chết không để lại di chúc. Hiện tại, toàn bộ di sản trên do ông Hồ Văn B2 đang quản lý sử dụng.

Ông B2 sống với cụ N3 và cụ N4 trong nhà thờ và lo việc thờ cúng tổ tiên. Đến ngày 22/6/2016 âm lịch, khi bà V, bà C1 và bà C2 dự đám giỗ tại nhà ông B2 thì anh N2 đem văn bản đến cho bà V, bà C1 và bà C2 ký tên. Ông B2 đã nói với các đương sự rằng ký văn bản để làm hồ sơ kết nạp Đảng cho con của ông B2 và mua Bảo hiểm y tế cho gia đình ông B2. Bà V, bà C1 và bà C2 đã tin tưởng và ký tên nhưng không có lấn tay vào văn bản trên. Họ không được nghe đọc lại văn bản mà mình đã ký và cũng không có ký tên tại Văn phòng Công chứng C. Sau này, khi bà V, bà C1 và bà C2 biết được sự việc trên thì họ đã làm đơn yêu cầu Tòa án hủy “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD.

Lý do bà V, bà C1 và bà C2 yêu cầu Tòa án hủy văn bản công chứng trên là vì: Nội dung của văn bản công chứng trên không đúng với quy định của Luật Công chứng. Các đương sự ký văn bản công chứng không được nghe đọc lại văn bản công chứng, văn bản không được lập tại Văn phòng Công chứng như trong lời chứng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Văn phòng Công chứng C – anh Đặng Minh S trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ xác định có văn bản công chứng nêu trên (công chứng bởi công chứng viên Đặng Minh S của Văn phòng). Cũng qua rà soát lại không phát hiện vấn đề gì, hồ sơ công chứng có đầy đủ giấy tờ cần thiết, nội dung văn bản không trái pháp luật, lời chứng xác định rõ những đương sự trong văn bản là Hồ Thị C1, Hồ Thị V, Hồ Thị C2 đã tự nguyện ký điểm chỉ vào văn bản trước sự có mặt của Công chứng viên tại Văn phòng Công chứng. Do vậy Văn phòng Công chứng không đồng ý với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Ngoài ra, Văn phòng không có yêu cầu, kiến nghị gì. Đồng thời, Văn phòng cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1 và bà Hồ Thị C2 cùng thống nhất trình bày:

Cha mẹ của bà Hồ Thị V là cụ Hồ Văn N3 (chết năm 2005) và cụ Văn Thị N4 (chết năm 2002). Cụ N3 và cụ N4 có tất cả là 07 người con chung gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị B1, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị C2. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.803m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614 QSD/1320/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/7/1997 cho cụ Hồ Văn N3. Ngoài ra, cụ N3 và cụ N4 còn có một căn nhà thờ để làm nhà thờ cúng ông bà. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 chưa phân chia quyền sử dụng đất cho các con. Cụ N3 và cụ N4 chết không để lại di chúc. Hiện tại, toàn bộ di sản trên do ông Hồ Văn B2 đang quản lý sử dụng.

Sau khi cha mẹ của các bà qua đời, anh chị em trong gia đình tiếp tục để ông B2 sống trong ngôi nhà thờ và tiếp tục thờ cúng ông bà. Ông B2 có xin với các chị em cho được hưởng toàn bộ di sản của cha mẹ chết để lại cho ông B2. Đến ngày 26/7/2016, ông B2, bà Hồ Thị C4 và ông Hồ Văn C3 yêu cầu các bà ký vào văn bản gì tại nhà ông B2. Sau này, ông B2 mới nói cho các bà biết văn bản đó là Văn bản nhường di sản thừa kế. Trước đó 02 tháng, con của bà C4 có mượn Giấy chứng minh nhân và Sổ hộ khẩu của các bà. Các bà ký tên vào Văn bản nhường di sản thừa kế là trái với ý chí của các bà. Bà V, bà C1 và bà C2 có ký tên vào Văn bản nhường di sản thừa kế như ông B2 nói chứ hoàn toàn không có lãn tay. Trước đó, ông B2 cung cấp cho Tòa án Văn bản nhường di sản thừa kế có chữ ký của bà chứ không có dấu vân tay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị B1 trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Hồ Văn N3 (chết năm 2005) và cụ Văn Thị N4 (chết năm 2002). Cụ N3 và cụ N4 có tất cả là 07 người con chung gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị B1, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị C2.

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V, bà Hồ Thị C1 và Hồ Thị C2. Bà yêu cầu Tòa án hủy “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD. Vào ngày 22/6/2016 âm lịch, khi bà dự đám giỗ của cụ N3 tại nhà ông B2, bà có nghe bà V, bà C1 và bà C2 kể lại sự việc anh N2 đến nhà ông B2 gặp bà V, bà C1 và bà C2 mượn Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và cho bà V, bà C1, bà C2 ký tên vào tờ giấy để làm hồ sơ kết nạp Đảng cho con của ông B2 và mua Bảo hiểm y tế cho gia đình ông B2. Khi bà về đến nhà ông B2 thì anh N2 đã về không có gặp mặt bà. Sau ngày đám giỗ, ông B2 có nhờ một người cháu trong gia đình đến gặp bà mượn Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của bà để làm hồ sơ kết nạp Đảng cho con của ông B2 và mua Bảo hiểm y tế cho gia đình ông B2 nhưng bà không cho ông B2 mượn giấy tờ nêu trên nên không có tên của bà trong “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD.

Văn phòng Công chứng C lập Văn bản nhường di sản thừa kế mà không có ý kiến của bà là người thừa kế của cụ N3 và cụ N4 là không đúng. Bà không được ông B2 và những người còn lại thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản của cụ N3 và cụ N4.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B2 trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Hồ Văn N3 (chết năm 2005) và cụ Văn Thị N4 (chết năm 2002). Cụ N3 và cụ N4 có tất cả là 07 người con chung gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị B1, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị C2. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 đã không xem bà Hồ Thị B1 là con nữa vì bà B1 mượn tiền của cha mẹ ông không trả. Ông không có chứng cứ để chứng minh việc cụ N3 và cụ N4 không xem bà B1 là con. Cụ N3 và cụ N4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.803m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614 QSD/1320/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/7/1997 cho cụ Hồ Văn N3. Ngoài ra, cụ N3 và cụ N4 còn có một ngôi nhà thờ mái ngói, cột cắm xe và vách bồ kho để làm nhà thờ cúng ông bà. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 chưa phân chia quyền sử dụng đất cho các con. Cụ N3 và cụ N4 chết không để lại di chúc. Hiện tại, toàn bộ di sản trên do ông đang quản lý sử dụng. Sau khi cụ N3 và cụ N4 chết, anh chị em trong gia đình tiếp tục để ông sống trong ngôi nhà thờ và tiếp tục thờ cúng ông bà. Ông không nhớ ngôi nhà thờ nằm trên thửa đất nào.

Ông đã trích lục “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” tại Văn phòng Công chứng C. Ông đã đến Văn phòng Công chứng C hai lần để lập Văn bản nhường tài sản thừa kế và Văn bản phân chia di sản thừa kế giữa ông, ông C3 và bà C4. Văn phòng Công chứng C đã lập “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” tại trụ sở của Văn phòng Công chứng và có mặt ông, ông C3, bà C4 cùng với sự có mặt bà V, bà C1 và bà C2. Ông đã nhờ con trai của ông là anh Hồ Thuận A (sinh năm 1988, ở cùng địa chỉ với ông) nộp hồ sơ công chứng.

Ông yêu cầu Hội đồng xét xử hỏi con trai ông về sự việc nêu trên vì con trai của ông hiểu rõ sự việc hơn ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V vì bà V, bà C1 và bà C2 đã ký tên nhường tài sản thừa kế rồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C3 trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Hồ Văn N3 (chết năm 2005) và cụ Văn Thị N4 (chết năm 2002). Cụ N3 và cụ N4 có tất cả là 07 người con chung gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị B1, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị C2. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.803m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614 QSD/1320/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/7/1997 cho cụ Hồ Văn N3. Ngoài ra, cụ N3 và cụ N4 còn có một ngôi nhà thờ mái ngói, cột cắm xe và vách bồ kho để làm nhà thờ cúng ông bà. Khi còn sống, cụ N3 và cụ N4 chưa phân chia quyền sử dụng đất cho các con. Cụ N3 và cụ N4 chết không để lại di chúc. Hiện tại, toàn bộ di sản trên do ông B2 đang quản lý sử dụng. Ông khẳng định, ông chỉ đến Văn phòng Công chứng C một lần và đã được nghe đọc

lại văn bản công chứng. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Ông B2 sống chung với cụ N3 và cụ N4, ông B2 chăm sóc hai cụ đến cuối đời nên ông B2 được quyền phân di sản của cụ N3 và cụ N4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C4 đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa.

Người làm chứng anh Hồ Thuận A trình bày:

Anh là con ruột của ông Hồ Văn B2. Anh không có mâu thuẫn gì với ông B2, bà V, bà C1, và bà C2. Anh là người trực tiếp nộp hồ sơ yêu cầu Văn phòng Công chứng C công chứng “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ”.

Anh N2 là nhân viên của Văn phòng Công chứng C đã đem văn bản soạn thảo sẵn đến nhà ông B2 cho bà V, bà C1 và bà C2 ký tên tại nhà ông B2, trước sự chứng kiến của anh, ông B2 và anh N2, không có mặt công chứng viên Đặng Minh S.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1, Hồ Thị C2 – chị Nguyễn Thị Huỳnh N vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì: Lời khai của bà V, bà C1 và bà C2 về việc các đương sự nêu trên đã ký tên vào văn bản đã được soạn sẵn trước và ký tên tại nhà ông Hồ Văn B2 mà không có mặt Công chứng viên Đặng Minh S, chỉ có mặt anh Nguyễn Tấn N2 là sự thật và phù hợp với lời khai ông C3 và người làm chứng Hồ Thuận A (con trai của ông Hồ Văn B2); Văn bản chỉ thỏa thuận đến việc nhường quyền sử dụng đất mà không thỏa thuận đến ngôi nhà thờ trên đất; Văn bản công chứng còn thiếu bà Hồ Thị B1 là hàng thừa kế thứ nhất của cụ N3 và cụ N4; Văn bản công chứng lưu tại Văn phòng Công chứng C có dấu vân tay điểm chỉ của các đương sự nhưng văn bản công chứng mà ông B2 nộp cho Tòa án nhân dân huyện C và văn bản mà ông B2 nộp trực tiếp tại Tòa không có dấu lăn tay của các đương sự nêu trên và trong hệ thống pháp luật của Việt Nam không có quy định thế nào là “nhường” tài sản, Luật Công chứng cũng quy định Văn phòng Công chứng công chứng các văn bản liên quan đến di sản thừa kế như: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và không có mẫu văn bản nhường tài sản thừa kế. Nội dung văn bản trên không thực hiện được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 123, Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 44 và Điều 48 Luật Công chứng năm 2014; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V.

“VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26 tháng 7 năm 2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B2 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V, về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26 tháng 7 năm 2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B2 có đơn xin xét xử vắng mặt, không có gửi Bài phát biểu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, ông Hồ Văn B2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn B2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Hồ Văn N3 sinh năm 1932, chết năm 2005; cụ Văn Thị N4 sinh năm 1934, chết năm 2002. Cụ N3 và cụ N4 chết không có để lại di chúc. Cụ N3 và cụ N4 có tất cả 07 người con gồm: Hồ Thị V, Hồ Thị C1, Hồ Thị C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn B2, Hồ Thị C4 và Hồ Thị B1.

[3] Theo “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD (BL 17-18) chứng nhận di sản cụ Hồ Văn N3 và cụ

Văn Thị N4 để lại là quyền sử dụng đất căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00614QSDĐ/1302QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/7/1997 đối với các thửa đất số 212, 218, 217, 175, 345, 425, 438, 449, 14, 23, tờ bản đồ số 2, diện tích 19.803m², địa chỉ các thửa đất trên tại xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nội dung văn bản thể hiện: Tài sản mà bà Hồ Thị C1, bà Hồ Thị V và bà Hồ Thị C2 (con cụ Hồ Văn N3 và cụ Văn Thị N4) được thừa kế là một kỷ phần từ cụ Hồ Văn N3 và cụ Văn Thị N4 để lại mà các bà được hưởng từ khối tài sản nêu trên.

Nay các bà tự nguyện nhường phần di sản mà các bà được hưởng từ khối di sản của cụ Hồ Văn N3 và cụ Văn Thị N4 để lại cho ông Hồ Văn C3, ông Hồ Văn B2 và bà Hồ Thị C4.

[4] Qua xem xét “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016, số công chứng 6705, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: bà Hồ Thị V, bà Hồ Thị C1 và bà Hồ Thị C2 trình bày không có yêu cầu công chứng văn bản nêu trên, các bà đã ký tên vào văn bản soạn sẵn tại nhà ông Hồ Văn B2, không có mặt Công chứng viên mà chỉ có mặt anh Nguyễn Tấn N2 là nhân viên của Văn phòng Công chứng. Lời khai này phù hợp với lời khai của ông B2 tại phiên tòa sơ thẩm là ông đã nhờ con trai của ông là anh Hồ Thuận A nộp hồ sơ công chứng. Anh A cũng đã khai tại phiên tòa sơ thẩm anh là người trực tiếp nộp hồ sơ yêu cầu Văn phòng Công chứng C công chứng Văn bản nhường tài sản thừa kế, anh N2 đã đem văn bản soạn thảo sẵn đến nhà ông B2 cho bà V, bà C1, bà C2 ký tên mà không có mặt Công chứng viên Đặng Minh S. Như vậy có căn cứ xác định Văn bản nhường tài sản thừa kế do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016 đã không được thực hiện đúng địa điểm tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng như trong lời chứng thực của Công chứng viên Đặng Minh S là vi phạm Điều 44 Luật Công chứng năm 2014.

[5] Lời khai của ông B2 tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của anh A tại phiên tòa phúc thẩm thì ông B2 là người yêu cầu công chứng văn bản trên, nội dung văn bản thể hiện ông B2, ông C3 và bà C4 là người được bà V, bà C1 và bà C2 nhường tài sản thừa kế, nhưng trong văn bản ông B2, ông C3 và bà C4 không có ký tên vào văn bản nhường tài sản thừa kế là vi phạm khoản 1 Điều 48 Luật Công chứng.

Ngoài ra trong phần lời chứng của Công chứng viên thể hiện Văn bản nhường tài sản thừa kế được lập thành 04 bản chính, những người nhường tài sản thừa kế giữ 03 bản chính và lưu tại Văn phòng Công chứng 01 bản chính. Tòa án đã thu thập bản Văn bản nhường di sản thừa kế do ông B2 nộp tại Tòa án nhân dân huyện C thì trong văn bản này không có dấu vân tay điểm chỉ của bà V, bà C1 và bà C2. Chỉ có bản lưu tại Văn phòng Công chứng C có thể hiện các đương sự trên có điểm chỉ trong Văn bản nhường tài sản thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm anh A cũng thừa nhận cha anh là ông B2 chỉ có giữ bản công chứng không có dấu vân tay điểm chỉ của bà V, bà C1 và bà C2. Việc Công chứng viên

chỉ cho các đương sự điền chỉ vào một văn bản là không tuân thủ quy định tại Điều 48 Luật Công chứng.

[6] Xét việc công chứng “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/7/2016 nêu trên đã vi phạm Điều 7, Điều 44 và 48 Luật Công chứng năm 2014 nên bị vô hiệu theo Điều 123 Bộ luật Dân sự. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V, tuyên bố “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26 tháng 7 năm 2016, số công chứng 6705, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu là có căn cứ. Ông Hồ Văn B2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B2.

[7] Ông Hồ Văn B2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 123 Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 44, Điều 48 và Điều 52 Luật Công chứng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn B2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V.

Tuyên bố “VĂN BẢN NHƯỜNG TÀI SẢN THỪA KẾ” do Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26 tháng 7 năm 2016, số công chứng 6705, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

3/ Về án phí: Văn phòng Công chứng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn B2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông B2 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000364 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại bà Hồ Thị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013750 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hiếu